

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **50/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-12-2021

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hạnh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2021/TLST-HN, ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*\*/ Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn NS, xã G, huyện M, tỉnh Đắc Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*\*/ Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: thôn NS, xã G, huyện M, tỉnh Đắc Nông. Hiện đang chấp hành án tại đội 1, Phân trại số 01, Trại giam P, Cục C10- Bộ Công An; Địa chỉ: xã S, huyện G, tỉnh Đắc Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo nội dung đơn khởi kiện nhận ngày 08-10-2021, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L:**

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện M, tỉnh Đắc Nông. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 hiện đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương và cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/12/2009 hiện đang sống cùng bà Nguyễn Thị L. Về tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng: Trong thời gian

chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông Nguyễn Văn H nghiện ma túy, không lo làm ăn. Hiện nay tôi nhận thấy không còn tình cảm yêu thương đối với ông Nguyễn Văn H, mặc dù tôi đã nhiều lần cho ông Nguyễn Văn H cơ hội thay đổi nhưng ông Nguyễn Văn H vẫn chứng nào tật ấy, vẫn tiếp tục nghiện ma túy, đem tiền bạc, tài sản của gia đình làm ra để đi mua ma túy, năm 2016 ông Nguyễn Văn H thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 08 (tám) năm tù giam, hiện nay ông Nguyễn Văn H đang chấp hành án tại đội 1, Phân trại số 01, Trại giam P, Cục C10- Bộ Công An; địa chỉ: xã S, huyện G, tỉnh Đắk Nông. Bà Nguyễn Thị L nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết. Về yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Về con chung bà Nguyễn Thị L nhận nuôi cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/12/2009. Cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15-12-2021, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của bà Nguyễn Thị L.

## ***2. Theo lời khai của bị đơn trong trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Ông Nguyễn Văn H hiện đang chấp hành án tại đội 1, Phân trại số 01, Trại giam P, Cục C10- Bộ Công An; địa chỉ: xã S, huyện G, tỉnh Đắk Nông. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 hiện đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương và cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/12/2009 hiện đang sống cùng bà Nguyễn Thị V (mẹ của ông Nguyễn Văn H). Trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Nguyễn Văn H thừa nhận trong thời gian sống chung do không còn tình cảm nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị L; về con chung: Ông Nguyễn Văn H xin được nhận nuôi cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/12/2009. Cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 03-11-2021, ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên nội dung yêu cầu theo bản tự khai ngày 03-11-2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn và bị đơn đều chấp

hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/12/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

#### **1. Về pháp luật tố tụng:**

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại: thôn NS, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **2. Về pháp luật nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H đều thừa nhận nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi người có quan điểm sống khác nhau dẫn đến thường xuyên xảy

ra cãi vã. Năm 2016 ông Nguyễn Văn H bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 08 (tám) năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ Luật hình sự, hiện nay ông Nguyễn Văn H đang chấp hành án tại đội 1, Phân trại số 01, Trại giam P, Cục C10- Bộ Công An. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, cuộc sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là anh Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 hiện đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương và cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/12/2009. Cả bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H đều có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Thùy T, tuy nhiên xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thùy T tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2021 là được sống cùng bà Nguyễn Thị L, mặt khác hiện nay ông Nguyễn Văn H đang chấp hành án tại đội 1, Phân trại số 01, Trại giam P, Cục C10- Bộ Công An nên không thể thực hiện việc nuôi con. Vì vậy cần giao cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/12/2009 cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với anh Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/12/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

4. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000530 ngày 15/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã G, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thế Hạnh**